

Bản án số: 151/2025/KDTM-PT
Ngày: 29-05-2025
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Thẩm phán:

1. Ông Đào Quốc Thịnh

2. Bà Mai Thị Thanh Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2025/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2446/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên Đ

Địa chỉ: Số A chung cư A, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tổng Văn T; địa chỉ liên lạc: Ô đường N, khu phố A, khu nhà ở A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 15/12/2023).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Q

Địa chỉ: B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T1; địa chỉ: B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 01/6/2024).

3. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH Q.

(Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Tổng Văn T và ông Đỗ Thành T1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

** Nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH Một thành viên Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) và Công ty TNHH Q (sau đây viết tắt là Công ty Q) có ký các Hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/QB-HP ngày 07/04/2022 và số 11/2021/HĐTC/QB-HP ngày 27/07/2021. Nội dung là Công ty Đ cung cấp vật tư và lắp đặt hệ thống ống gió tại Khu nhà ở xã hội, khu nhà ở thương mại V.

Công ty Đ đã thực hiện xong công việc, công trình đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ tháng 3/2022. Công ty Đ đã thông báo giá trị quyết toán và xuất hóa đơn cho Công ty Q.

Ngày 30/11/2023, Công ty Đ đã thông báo đến Công ty Q: Căn cứ Hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/QB-HP ngày 07/04/2022; Căn cứ Hợp đồng thi công số 11/2021/HĐTC/QB-HP ngày 27/07/2021; Số tiền phải thu là 1.089.706.424 đồng.

Công ty Đ yêu cầu Công ty Q phải trả ngay một lần cho Công ty Đ tổng cộng 1.164.017.979 đồng, gồm: Tiền nợ 1.089.706.422 đồng; Tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 15/10/2022 với lãi suất 1%/tháng là 74.311.550 đồng.

** Bị đơn trình bày:*

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng số 11/2021/HĐTC/QB-HP ngày 27/7/2021 và số 05/2022/HĐTC/QB-HP ngày 07/04/2022, Công ty Q đã thanh toán cho Công ty Đ tổng cộng là 1.415.015.110, cụ thể như sau: Hợp đồng số 11/2021/HĐTC/QBHP: số tiền 750.000.000 đồng; Hợp đồng số 05/2022/HĐTC/QBHP: số tiền 665.015.110 đồng. Số tiền còn lại phải thanh toán là 1.089.706.424 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiệm thu, vì có rất nhiều hạng mục cùng nghiệm thu vào cùng một khoảng thời gian nên đã bỏ sót một vài hạng mục mà theo như phản ánh của cư dân hiện nay là chưa đạt chất lượng như trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Công ty Q đang triển khai nghiên cứu tại công trình và đưa ra kết luận sớm nhất cho hai bên.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm 60/2024/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH Một thành viên Đ:

1. Buộc bị đơn - Công ty TNHH Q phải thanh toán một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty TNHH Một thành viên Đ số tiền là 1.089.706.424 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH Một thành viên Đ về việc yêu cầu tính lãi chậm thanh toán số tiền là 74.311.550 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng xác định trách nhiệm chịu án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2024, bị đơn Công ty Q đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

** Tại phiên tòa:*

Bị đơn Công ty Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về hình thức của đơn kháng cáo: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về nội dung kháng cáo:

[1.2.1] Về tố tụng:

Xét, theo hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ lúc thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Xét, ngày 17/9/2024, Công ty Q có đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Công ty Đ bồi thường thiệt hại số tiền 3.000.000.000 đồng. Do đơn yêu cầu phản tố của bị đơn nộp sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (vào các ngày 14/8/2024, ngày 26/8/2024 và ngày 11/9/2024) nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự không thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố của Công ty Q là đúng quy định.

[1.2.2] Về nội dung:

Xét, các Hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/QB-HP ngày 07/04/2022 và số 11/2021/HĐTC/QB-HP ngày 27/07/2021 được ký kết giữa Công ty Đ và Công ty Q có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Thực hiện các hợp đồng thi công này, Công ty Đ đã thực hiện xong việc lắp đặt hệ thống ống gió, công trình đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Căn cứ bản chi tiết công nợ phải thu khách hàng ngày 08/5/2023 được Công ty Q ký, đóng dấu xác nhận, theo đó tính đến ngày 08/5/2023 thì Công ty Q còn nợ số tiền chưa thanh toán của Hợp đồng số 11/2021/HĐTC/QB-HP ngày 27/07/2021 là 330.600.000 đồng, của Hợp đồng số 05/2022/HĐTC/QB-HP ngày 07/04/2022 là 687.900.347 đồng, tổng cộng là 1.089.706.424 đồng. Số tiền còn nợ cũng được Công ty Q thừa nhận tại Tòa án cấp sơ thẩm là 1.089.706.424 đồng. Mặt khác, công trình cũng đã được Công ty Q và đưa vào sử dụng từ năm 2023.

Xét, việc Công ty Q vẫn chưa thanh toán như thỏa thuận tại các hợp đồng thi công và bản xác nhận công nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 85 Luật Thương mại, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 1.089.706.424 đồng là có cơ sở.

Xét, Công ty Đ rút yêu cầu tính lãi chậm thanh toán số tiền là 74.311.550 đồng là tự nguyện và phù hợp nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

[1.2.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty Q phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 148, 308 và 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Q. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH Một thành viên Đ.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Q phải thanh toán một lần cho Công ty TNHH Một thành viên Đ số tiền là 1.089.706.424 (*một tỷ không trăm tám mươi chín triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm hai mươi bốn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên Đ về việc yêu cầu tính lãi chậm thanh toán số tiền là 74.311.550 (*bảy mươi bốn triệu ba trăm mười một nghìn năm trăm năm mươi*) đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Q phải chịu là 44.691.192 (*bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi một nghìn một trăm chín mươi hai*) đồng.

H lại cho Công ty TNHH Một thành viên Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.460.270 đồng (*hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi*) đồng theo Biên lai thu số 0002488 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Q phải chịu là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo Biên lai thu số 0040681 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận 3;
- Cục THADS TP HCM;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương